

Phụ lục 5
DANH SÁCH TRƯỜNG THPT

(Kèm theo Công văn số 1787 /SGDDT-QLCLGDCNTT ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã Tỉnh	Tên Tỉnh/TP	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Mã Trường	Tên Trường	Khu Vực
1	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	001	Trường THPT Bình Sơn	Khu vực 2 NT
2	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	002	Trường THPT Lê Quý Đôn	Khu vực 2 NT
3	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	003	Trường THPT Trần Kỳ Phong	Khu vực 2 NT
4	51	Quảng Ngãi	21109	Xã Đông Sơn	004	Trường THCS&THPT Vạn Tường(Trường THPT Vạn Tường)	Khu vực 2 NT
5	51	Quảng Ngãi	21172	Phường Trương Quang Trọng	005	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Khu vực 2
6	51	Quảng Ngãi	21172	Phường Trương Quang Trọng	006	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Khu vực 2
7	51	Quảng Ngãi	21205	Xã Ba Gia	007	Trường THPT Ba Gia	Khu vực 2 NT
8	51	Quảng Ngãi	21205	Xã Ba Gia	008	Trường THPT Tư thực Trương Định	Khu vực 2 NT
9	51	Quảng Ngãi	21211	Xã Tịnh Khê	009	Trường THPT Sơn Mỹ	Khu vực 2 NT
10	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	010	Trường THPT chuyên Lê Khiết	Khu vực 2
11	51	Quảng Ngãi	21025	Phường Cẩm Thành	011	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	Khu vực 2
12	51	Quảng Ngãi	21025	Phường Cẩm Thành	012	Trường THPT Lê Trung Đình	Khu vực 2
13	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	013	Trường PTDNTN THPT tỉnh Quảng Ngãi (Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi)	Khu vực 2
14	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	014	Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	Khu vực 2
15	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	015	Trường Liên cấp TPGDQT-IEC Quảng Ngãi	Khu vực 2
16	51	Quảng Ngãi	21028	Phường Nghĩa Lộ	016	Trường THCS&THPT Tôn Đức Thắng	Khu vực 2
17	51	Quảng Ngãi	21235	Xã Tư Nghĩa	017	Trường THPT Chu Văn An	Khu vực 2 NT
18	51	Quảng Ngãi	21235	Xã Tư Nghĩa	018	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
19	51	Quảng Ngãi	21250	Xã Nghĩa Giang	019	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	Khu vực 2 NT
20	51	Quảng Ngãi	21235	Xã Tư Nghĩa	020	Trường THPT Thu Xà	Khu vực 2 NT
21	51	Quảng Ngãi	21400	Xã Mộ Đức	021	Trường THPT Phạm Văn Đồng	Khu vực 2 NT
22	51	Quảng Ngãi	21409	Xã Long Phụng	022	Trường THPT Số 2 Mộ Đức	Khu vực 2 NT
23	51	Quảng Ngãi	21421	Xã Mộ Cày	023	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Khu vực 2 NT
24	51	Quảng Ngãi	21433	Xã Lân Phong	024	Trường THPT Trần Quang Diệu	Khu vực 2 NT
25	51	Quảng Ngãi	21439	Phường Đức Phổ	025	Trường THPT số 1 Đức Phổ	Khu vực 2
26	51	Quảng Ngãi	21451	Phường Trà Câu	026	Trường THPT Lương Thế Vinh	Khu vực 2
27	51	Quảng Ngãi	21472	Xã Khánh Cường	027	Trường THPT số 2 Đức Phổ	Khu vực 2 NT
28	51	Quảng Ngãi	21364	Xã Nghĩa Hành	028	Trường THPT Nguyễn Công Phương	Khu vực 2 NT
29	51	Quảng Ngãi	21364	Xã Nghĩa Hành	029	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	Khu vực 2 NT
30	51	Quảng Ngãi	21388	Xã Thiện Tín	030	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	Khu vực 1
31	51	Quảng Ngãi	21484	Xã Ba Tơ	031	Trường THPT Ba Tơ	Khu vực 1
32	51	Quảng Ngãi	21529	Xã Ba Vì	032	Trường THPT Phạm Kiệt	Khu vực 1
33	51	Quảng Ngãi	21349	Xã Sơn Mai	033	Trường THPT Minh Long	Khu vực 1
34	51	Quảng Ngãi	21292	Xã Sơn Hạ	034	Trường THPT Quang Trung	Khu vực 1
35	51	Quảng Ngãi	21289	Xã Sơn Hà	035	Trường THPT Sơn Hà	Khu vực 1
36	51	Quảng Ngãi	21325	Xã Sơn Kỳ	036	Trường THCS&THPT Phạm Kiệt	Khu vực 1
37	51	Quảng Ngãi	21340	Xã Sơn Tây	037	Trường THPT Đình Tiên Hoàng	Khu vực 1
38	51	Quảng Ngãi	21115	Xã Trà Bồng	038	Trường THPT Trà Bồng	Khu vực 1
39	51	Quảng Ngãi	21127	Xã Đông Trà Bồng	039	Trường THCS&THPT Phó Mục Gia	Khu vực 1
40	51	Quảng Ngãi	21154	Xã Tây Trà	040	Trường THPT Tây Trà	Khu vực 1
41	51	Quảng Ngãi	21548	Đặc khu Lý Sơn	041	Trường THPT Lý Sơn	Khu vực 1
42	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	042	Trường THPT Kon Tum	Khu vực 1
43	51	Quảng Ngãi	23302	Phường Đăk Bla	043	Trường THPT Lê Lợi	Khu vực 1
44	51	Quảng Ngãi	23401	Xã Đăk Tô	044	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Khu vực 1
45	51	Quảng Ngãi	23284	Phường Đăk Cẩm	045	Trường THPT Duy Tân	Khu vực 1
46	51	Quảng Ngãi	23377	Xã Bờ Y	046	Trường THPT Nguyễn Trãi	Khu vực 1
47	51	Quảng Ngãi	23500	Xã Đăk Hà	047	Trường THPT Trần Hưng Đạo	Khu vực 1
48	51	Quảng Ngãi	23527	Xã Sa Thầy	048	Trường THPT Nguyễn Huệ	Khu vực 1
49	51	Quảng Ngãi	23497	Xã Kon Braih	049	Trường THPT Phan Đình Phùng	Khu vực 1
50	51	Quảng Ngãi	23341	Xã Đăk Pék	050	Trường THPT Trần Phú	Khu vực 1
51	51	Quảng Ngãi	23284	Phường Đăk Cẩm	051	Trường THCS&THPT Ngô Mây	Khu vực 1

STT	Mã Tỉnh	Tên Tỉnh/TP	Mã Xã/Phường	Tên Xã/Phường	Mã Trường	Tên Trường	Khu Vực
52	51	Quảng Ngãi	23326	Xã Ia Chim	052	Trường THPT Phan Bội Châu	Khu vực 1
53	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	053	Trường THPT Trường Chinh	Khu vực 1
54	51	Quảng Ngãi	23383	Xã Dục Nông	054	Trường THPT Phan Chu Trinh	Khu vực 1
55	51	Quảng Ngãi	23512	Xã Đăk Mar	055	Trường PTDTNT THPT Đăk Hà	Khu vực 1
56	51	Quảng Ngãi	23538	Xã Ia Toi	056	Trường PTDTNT THPT Ia Toi	Khu vực 1
57	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	057	Trường PTDTNT THPT Kon Tum	Khu vực 1
58	51	Quảng Ngãi	23401	Xã Đăk Tô	058	Trường PTDTNT THPT Đăk Tô	Khu vực 1
59	51	Quảng Ngãi	23341	Xã Đăk Pék	059	Trường PTDTNT THPT Đăk Glei	Khu vực 1
60	51	Quảng Ngãi	23479	Xã Đăk Rve	060	Trường PTDTNT THCS và THPT Đăk Rve	Khu vực 1
61	51	Quảng Ngãi	23527	Xã Sa Thầy	061	Trường PTDTNT THPT Sa Thầy	Khu vực 1
62	51	Quảng Ngãi	23473	Xã Măng Đen	062	Trường PTDTNT THPT Măng Đen	Khu vực 1
63	51	Quảng Ngãi	23425	Xã Tu Mơ Rông	063	Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông	Khu vực 1
64	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	064	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Khu vực 1
65	51	Quảng Ngãi	23302	Phường Đăk Bla	065	Trường THCS&THPT Liên Việt Kon Tum	Khu vực 1
66	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	066	Trung tâm GDNN&GDTX Khu vực Bình Sơn	Khu vực 2 NT
67	51	Quảng Ngãi	21025	Phường Cẩm Thành	067	Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi	Khu vực 2
68	51	Quảng Ngãi	21400	Xã Mộ Đức	068	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức	Khu vực 2 NT
69	51	Quảng Ngãi	21439	Phường Đức Phổ	069	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Đức Phổ	Khu vực 2
70	51	Quảng Ngãi	21484	Xã Ba Tơ	070	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Ba Tơ	Khu vực 1
71	51	Quảng Ngãi	23293	Phường Kon Tum	071	Trung tâm GDTX Kon Tum	Khu vực 1
72	51	Quảng Ngãi	23500	Xã Đăk Hà	072	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Hà	Khu vực 1
73	51	Quảng Ngãi	23401	Xã Đăk Tô	073	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô	Khu vực 1
74	51	Quảng Ngãi	23425	Xã Tu Mơ Rông	074	Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông	Khu vực 1
75	51	Quảng Ngãi	23341	Xã Đăk Pék	075	Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei	Khu vực 1
76	51	Quảng Ngãi	23377	Xã Bờ Y	076	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	Khu vực 1
77	51	Quảng Ngãi	23497	Xã Kon Braih	077	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy	Khu vực 1
78	51	Quảng Ngãi	23473	Xã Măng Đen	078	Trung tâm GDNN-GDTX Kon Plông	Khu vực 1
79	51	Quảng Ngãi	23527	Xã Sa Thầy	079	Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy	Khu vực 1
80	51	Quảng Ngãi	2112701	Xã Trà Bình (năm 2025)	080	Trường THCS&THPT Phó Mục Gia (2025)	Khu vực 2 NT
81	51	Quảng Ngãi	2329305	Phường Thống Nhất (năm 2025)	081	Trường PTDTNT tỉnh Kon Tum (2025)	Khu vực 1
82	51	Quảng Ngãi	2352701	Thị trấn Sa Thầy (năm 2025)	082	Trường PTDTNT Sa Thầy (2025)	Khu vực 1
83	51	Quảng Ngãi	2350001	Thị trấn Đăk Hà(năm 2025)	083	Trường PTDTNT Đăk Hà (2025)	Khu vực 1
84	51	Quảng Ngãi	2340101	Thị trấn Đăk Tô (năm 2025)	084	Trường PTDTNT Đăk Tô (2025)	Khu vực 1
85	51	Quảng Ngãi	2334102	Thị trấn Đăk Glei (năm 2025)	085	Trường PTDTNT Đăk Glei (2025)	Khu vực 1
86	51	Quảng Ngãi	2347901	Thị trấn Đăk Rve (năm 2025)	086	Trường PTDTNT Kon Rẫy (2025)	Khu vực 1
87	51	Quảng Ngãi	2350001	Thị trấn Đăk Hà(năm 2025)	087	Trường THPT Trần Quốc Tuấn (Kon Tum -2025)	Khu vực 1
88	51	Quảng Ngãi	2342502	Xã Đăk Hà (năm 2025)	088	Trường PTDTNT Tu Mơ Rông (2025)	Khu vực 1
89	51	Quảng Ngãi	2351202	Xã Đăk Hring (năm 2025)	089	Trường THPT Nguyễn Du (2025)	Khu vực 1
90	51	Quảng Ngãi	2334102	Thị trấn Đăk Glei (năm 2025)	090	Trường THPT Lương Thế Vinh (Kon Tum -2025)	Khu vực 1
91	51	Quảng Ngãi	2352701	Thị trấn Sa Thầy (năm 2025)	091	Trường THPT Quang Trung (Kon Tum - 2025)	Khu vực 1
92	51	Quảng Ngãi	2349701	Xã Đăk Ruồng (năm 2025)	092	Trường THPT Chu Văn An (Kon Tum - 2025)	Khu vực 1
93	51	Quảng Ngãi	2328402	Phường Ngô Mây (năm 2025)	093	Trường THPT Ngô Mây (2025)	Khu vực 1
94	51	Quảng Ngãi	2353801	Xã Ia Toi (năm 2025)	094	Phân hiệu PTDTNT Tỉnh tại Ia H'Drai (2025)	Khu vực 1
95	51	Quảng Ngãi	2347301	Xã Măng Đen (năm 2025)	095	Trường PTDTNT THPT huyện Kon Plông (2025)	Khu vực 1
96	51	Quảng Ngãi	2328401	Phường Duy Tân (năm 2025)	096	Trường THPT Duy Tân (2025)	Khu vực 2
97	51	Quảng Ngãi	2329303	Phường Thăng Lợi (năm 2025)	097	Trung tâm GDTX tỉnh Kon Tum(2025)	Khu vực 2
98	51	Quảng Ngãi	2329304	Phường Trường Chinh (năm 2025)	098	Trường THPT Trường Chinh (2025)	Khu vực 2
99	51	Quảng Ngãi	21040	Xã Bình Sơn	099	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn (2025)	Khu vực 2 NT
100	51	Quảng Ngãi	2121101	Xã Tịnh Khê (năm 2025)	100	Trường THPT Sơn Mỹ (2025)	Khu vực 2
101	51	Quảng Ngãi	21388	Xã Thiện Tín	101	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành (2025)	Khu vực 2 NT
102	51	Quảng Ngãi	2140001	Thị trấn Mộ Đức (2025)	102	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức (2025)	Khu vực 2 NT
103	51	Quảng Ngãi	2143901	Phường Nguyễn Nghiêm (năm 2025)	103	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ (2025)	Khu vực 2
104	51	Quảng Ngãi	2148401	Thị trấn Ba Tơ (năm 2025)	104	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ (2025)	Khu vực 1
105	51	Quảng Ngãi			800	Thí sinh học ở nước ngoài	Khu vực 2
106	51	Quảng Ngãi			801	Trường THPT - Khu vực 1	Khu vực 1
107	51	Quảng Ngãi			802	Trường THPT - Khu vực 2NT	Khu vực 2 NT
108	51	Quảng Ngãi			803	Trường THPT - Khu vực 2	Khu vực 2
109	51	Quảng Ngãi			900	Thí sinh tự do Công an tỉnh	Khu vực 3